

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TẬP SUỐT ĐỜI CHO NGƯỜI HỌC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

*UNIVERSITIES DEVELOP LIFELONG LEARNING COMPETENCIES FOR LEARNERS
TO MEET THE DEMANDS OF THE FOURTH INDUSTRIAL REVOLUTION*

PHẠM THỊ LAN PHƯƠNG^(*), DƯƠNG BÁ VŨ, NGUYỄN HOÀNG THIÊN

^(*)Viện Nghiên cứu Giáo dục - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh,
ptlphuong@ier.edu.vn

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 02/01/2021 Ngày nhận lại: 02/03/2020 Duyệt đăng: 25/3/2021 Mã số: TCKH-S01T3-B06-2021 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: <i>học tập suốt đời, xã hội học tập, trường đại học, Cách mạng công nghiệp 4.0.</i></p> <p>Key words: <i>life-long learning, learning society, university, the fourth industrial revolution.</i></p>	<p><i>Bài viết bàn về vai trò của trường đại học trong thúc đẩy năng lực học tập suốt đời nhằm đáp ứng yêu cầu của một thời đại mới, phân biệt một số khái niệm liên quan mật thiết với nhau, từ đó xác định một tập hợp năng lực học tập suốt đời. Tiếp đó là nội dung về đào tạo tại trường đại học trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và một số quan sát về sự chuyển mình trong công tác đào tạo tại các trường đại học Việt Nam.</i></p> <p>ABSTRACTS <i>This article discusses the role of universities in promoting lifelong learning competencies to meet the demands of a new era and distinguishes several closely related concepts and from that we determine a set of lifelong learning competencies. The next is contents about universities' training in the context of the fourth industrial revolution and some observations on Vietnamese universities' transformation in training.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ý tưởng về một nền giáo dục suốt đời (Life-long education) và một xã hội học tập (Learning society) đã được UNESCO đề xuất cách đây hơn bốn thập kỷ. Báo cáo “Học để tồn tại: thế giới giáo dục hôm nay và mai sau” đã nhấn mạnh rằng giáo dục nên là phổ cập và suốt đời, giáo dục trọn đời nên là một khái niệm tổng thể cho các chính sách giáo dục cho cả các nước phát triển và đang phát triển [5]. Từ đó đến nay, nhiều quốc gia đã ban hành các chính sách thúc đẩy các cơ sở giáo dục đào tạo ra những người học có kỹ năng học tập không

chỉ trong thời gian học chính thức mà quan trọng hơn là có thể tiếp tục học tập trong suốt cuộc đời bên ngoài môi trường học tập chính thức. Học tập suốt đời đã xuất hiện trong các chủ trương, chính sách quốc gia về giáo dục Việt Nam hơn hai thập kỉ gần đây. Nghị quyết về “Định hướng chiến lược giáo dục - đào tạo trong thời kì công nghiệp hoá hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000” tại Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá VIII) thông qua ngày 16 tháng 12 năm 1996 lần đầu tiên đưa ra cụm từ “học suốt đời”. Những văn kiện tiếp theo trong các

đại hội Đảng, Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09 năm 01 năm 2013 của Chính phủ là những chủ trương, chính sách tiếp tục khẳng định mục tiêu xây dựng xã hội học tập ở nước ta.

Bài viết thảo luận về vai trò của trường đại học trong đào tạo năng lực học tập suốt đời đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0) và trình bày một số thực trạng đang diễn ra tại các trường đại học Việt Nam. Những quan sát ban đầu cho thấy các trường đại học ngày càng chú trọng phát triển các năng lực học tập suốt đời như kỹ năng ICT, kỹ năng học và tự học, tư duy sáng tạo và khởi nghiệp, năng lực thích ứng với thế giới việc làm. Bối cảnh thời đại số, Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay mở ra những cơ hội đa dạng cho việc học tập suốt đời, đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu mới về năng lực của người lao động. Việc tìm kiếm một mô hình giáo dục phù hợp với bối cảnh quốc gia và thời đại là đáng để quan tâm.

2. HỌC TẬP SUỐT ĐỜI, XÃ HỘI HỌC TẬP, NGƯỜI HỌC SUỐT ĐỜI

2.1. Học tập suốt đời

Có nhiều cách khác nhau để hiểu về khái niệm học tập suốt đời. Nhìn chung đây là một khái niệm bao trùm và phức tạp, được sử dụng trong nhiều lĩnh vực từ giáo dục tới xã hội, kinh tế, văn hóa. Một số quốc gia xây dựng các chính sách học tập suốt đời phù hợp với định nghĩa của các tổ chức quốc tế như UNESCO và OECD, thì các quốc gia khác chỉ chấp nhận một phần các định nghĩa này hoặc phát triển các hiểu biết khái niệm của riêng họ [19].

Mỗi quan tâm đến học tập suốt đời dường như tập trung vào việc nhận thức việc học tập suốt đời từ quan điểm thời gian và không gian học tập trong cuộc sống của con người [13]. Định nghĩa phổ biến về học tập suốt đời coi đó là quá trình học tập diễn ra trong suốt cuộc đời, thông qua các phương thức giáo dục trong nhà

trường và ngoài nhà trường, đặc biệt coi trọng tự học. Định nghĩa đơn giản và ngắn gọn như vậy có thể bỏ sót những khía cạnh cốt lõi của học tập suốt đời như sự phức tạp của học tập suốt đời và sự phát triển các tiềm năng cả về phẩm chất và năng lực của người học.

Gần đây UNESCO cho rằng học tập suốt đời “không chỉ là đa dạng hóa địa điểm và phương thức học tập, mở rộng cơ hội tiếp cận, mà thực sự hơn là chuyển chủ thể hành động chính từ nhà giáo dục sang người học. Giá trị của nó không gì khác hơn là nguồn cảm hứng cho một ý tưởng mới về xã hội loài người. Học tập suốt đời, giống như sự phát triển bền vững, là một mầm mống tiềm ẩn mà từ đó một loại xã hội khác có thể nảy mầm; một xã hội coi trọng việc học cả về công dụng và chính nó...” [18]. Theo cách hiểu này, học tập suốt đời được coi là một sự trải nghiệm của con người, một mô hình để phát triển tiềm năng của con người, mà tiềm năng đó khi được hiện thực hóa có thể dẫn tới một xã hội ‘mới’ chưa có tiền lệ được hình tượng như ‘thành phố thông minh’, ‘xã hội thông minh’, ‘kinh tế số’,...

2.2. Xã hội học tập

Xã hội học tập là một khái niệm xuất phát từ triết lý giáo dục đặt trọng tâm vào học tập suốt đời để phát triển những con người toàn diện, hạnh phúc và có trách nhiệm xã hội. Faure và các cộng sự là những học giả đầu tiên gắn kết hai khái niệm học tập suốt đời và xã hội học tập trong mối quan hệ mật thiết với nhau. Các tác giả kêu gọi một sự thay đổi triệt để hệ thống giáo dục để đáp ứng yêu cầu của những tiến bộ khoa học và công nghệ. “nếu việc học liên quan đến toàn bộ cuộc đời của một người, về thời gian và sự đa dạng, tất cả các lực lượng trong xã hội bao gồm cả tài nguyên xã hội, kinh tế và giáo dục, thì chúng ta phải đi xa hơn cả việc đại tu các hệ thống giáo dục cho đến khi chúng ta đạt đến giai đoạn của một xã hội học tập” [5]. Như vậy, xã hội học tập là một mô hình giáo dục mới tại thời điểm những năm

1970 vì tính mở và liên tục đổi mới; một mô hình huy động mọi nguồn lực và tạo mọi cơ hội để người dân học tập suốt đời.

Để hiện thực hóa mô hình xã hội học tập, các tổ chức quốc tế như UNESCO và OECD đã thúc đẩy việc đưa mô hình xã hội học tập trở thành chính sách quốc gia. Trong khi tiếp cận của UNESCO về xã hội học tập như là “một cộng đồng thúc đẩy văn hóa học tập bằng cách phát triển một cách có hiệu quả các quan hệ đối tác địa phương giữa tất cả các lĩnh vực của cộng đồng, đồng thời hỗ trợ, thúc đẩy các cá nhân, tổ chức học hỏi” [8] mang tư tưởng chủ đạo về tính nhân văn và phát triển tiềm năng con người; tiếp cận của OECD thiên về tính mục tiêu chức năng coi học tập suốt đời và xã hội học tập là để đáp ứng thị trường lao động và tăng cường khả năng cạnh tranh của nền kinh tế dựa vào tri thức [19].

Tại Việt Nam, văn bản chính phủ đầu tiên mô tả chi tiết về xã hội học tập là Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”. Trong quyết định, xã hội học tập được mô tả là một xã hội trong đó “mọi cá nhân có trách nhiệm học tập thường xuyên, suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để làm người công dân tốt...”; được xây dựng dựa trên sự gắn kết giữa giáo dục chính quy, giáo dục thường xuyên cùng với đẩy mạnh học tập suốt đời ở ngoài nhà trường.

Hội Khuyến học Việt Nam nhấn mạnh khía cạnh đáp ứng nhu cầu học tập trong định nghĩa xã hội học tập, coi đó “là một xã hội, trong đó, mọi người dân có nhu cầu học tập đều được đáp ứng và đều có nghĩa vụ học tập” [7]. Theo quan điểm của Hội khuyến học “Xây dựng một xã hội học tập là xây dựng một hệ thống giáo dục bảo đảm cho mọi công dân đều được học tập suốt đời, đồng thời, trong hệ thống đó có những chính sách và cơ chế tương ứng để bảo đảm cho mọi công dân góp sức phát

triển các hình thức học tập thường xuyên trên mọi địa bàn dân cư” [14].

2.3. Người học suốt đời

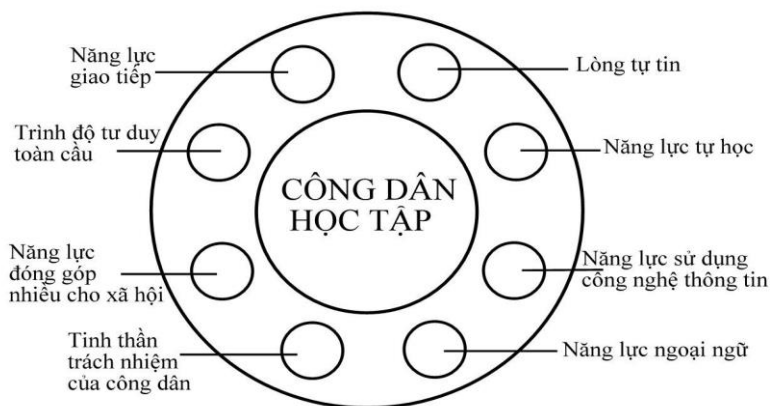
Hạt nhân nòng cốt của xã hội học tập là người học suốt đời. Người học suốt đời theo nghĩa chung là người thực hành sử dụng các kỹ năng và thái độ để trở thành một người học suốt đời. Những kỹ năng của người học suốt đời thường bao gồm kỹ năng đọc hiểu thông tin hoặc khả năng nhận biết khi nào cần thông tin, xác định nguồn thông tin, đánh giá và sử dụng một cách có hiệu quả thông tin có được. Nhiều nước trên thế giới đang theo đuổi chính sách hình thành và bồi dưỡng người học suốt đời với tập hợp các năng lực then chốt của thế kỉ XXI.

3. NĂNG LỰC CỦA NGƯỜI HỌC SUỐT ĐỜI

Theo Knapper và Cropley, người học suốt đời có những thuộc tính gồm: 1) nhận thức mạnh mẽ về mối quan hệ giữa học tập và cuộc sống thực tế; 2) nhận thức được nhu cầu học tập suốt đời; 3) có động lực cao để thực hiện quá trình học tập suốt đời; 4) tự nhận thức ủng hộ cho việc học tập suốt đời; 5) sở hữu những kỹ năng cần thiết cho việc học tập suốt đời [10]. Trong khi 4 đặc điểm ban đầu được hình thành và phát triển trong các môi trường đa dạng không nhất thiết là trường học, đặc điểm thứ 5 về kỹ năng học tập được rèn luyện thường xuyên trong trường học. Trong nghiên cứu tiếp theo của hai tác giả, Knapper và Cropley phân loại thuộc tính học tập suốt đời bao gồm hai thành phần chính, gồm: 1) sự sẵn sàng cho học tập của cá nhân, hay chính là động lực, thái độ, giá trị và hình ảnh bản thân, thái độ tích cực đối với việc học, tự tin vào bản thân và sẵn sàng đặt câu hỏi khi tiếp nhận kiến thức; 2) khả năng học tập của cá nhân, gồm kiến thức, kỹ năng, khả năng và quá trình tư duy [11]. Phân chia năng lực học tập suốt đời thành 2 nhóm thuộc tính là phẩm chất và kỹ năng học tập suốt đời, mở ra cách nhìn nhận về vai trò của trường học trong phát triển năng lực học tập suốt đời cho người học. Trường học là

một thực thể quan trọng trong việc thúc đẩy các kỹ năng học tập suốt đời, vì nó thích hợp cho việc phát triển khả năng tiếp thu và hoàn thiện kiến thức, kỹ năng và thái độ một cách có hệ thống [13]. Học tập suốt đời là nhu cầu của con người trong một xã hội không ngừng thay đổi theo hướng hiện đại hơn. Vì thế, năng lực học

tập suốt đời dường như trùng lặp với năng lực then chốt của thế kỷ XXI. Singapore là một đất nước thuộc khối ASEAN đã có những thành công vượt bậc về phát triển kinh tế - xã hội. Tập hợp các năng lực thế kỷ XXI của nước này trong hình 1.



Hình 1. Sơ đồ tập hợp năng lực công dân học tập của Singapore

Nguồn: [14]

Hình 1 tập hợp các năng lực thực hiện thành công việc học tập suốt đời ngoài các thuộc tính về khả năng thực hiện việc học nói chung còn bao gồm những thuộc tính thuộc về phẩm chất như tinh thần trách nhiệm công dân và lòng tự tin.

4. VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG ĐÀO TẠO NĂNG LỰC HỌC TẬP SUỐT ĐỜI CỦA CÔNG DÂN HỌC TẬP

Nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục là gieo trồng ý chí và thúc đẩy học tập. Giáo dục nên tạo ra những người chủ động học tập và có kỹ năng học và tự học. Là một tổ chức học tập trình độ cao, trường đại học là một thực thể quan trọng trong việc phát triển các năng lực học tập suốt đời. Bốn năng lực thực hiện mà trường đại học có ưu thế trong đào tạo cho người học lớn tuổi đó là năng lực học và tự học, năng lực hành động chủ thể, kỹ năng thông tin và kỹ năng sáng tạo [13].

Năng lực học và tự học (Learning to learn) có liên quan với các kỹ năng siêu nhận thức, tức là suy nghĩ về kiến thức và tư duy của bản

thân và cách thức dẫn đến việc hiểu biết sâu sắc về một chủ đề. Để phát triển các kỹ năng học và tự học trong môi trường đại học, giảng viên tạo cơ hội cho sinh viên tham gia vào các quá trình suy ngẫm/phản tỉnh dựa trên những xem xét có ý thức về quá trình học tập của họ và nâng cao nhận thức về bản thân như một người học. Năng lực học và tự học là một năng lực chung cần được thẩm nhuần như là một mục tiêu không thể tách rời của giáo dục và được tích hợp vào các môn học trong trường đại học [3; 13].

Năng lực hành động chủ thể (Personal agency) biểu thị các thuộc tính như sáng kiến hành động, sự quyết đoán và kiên trì như là yếu tố dự báo tiềm năng phát triển của cá nhân. Sinh viên có niềm tin mạnh mẽ về năng lực học tập thường có khả năng phát triển các kỹ năng tích cực khác như khả năng vượt khó và khả năng chống lại các ảnh hưởng học thuật tiêu cực từ các bạn học có niềm tin bản thân yếu. Công nhận kiến thức và kinh nghiệm trước đây của sinh viên và học tập theo ngữ cảnh là

những cách thức hiệu quả để nâng cao niềm tin năng lực bản thân và năng lực hành động của sinh viên [3].

Kỹ năng thông tin (Information Skills) được coi là rất cần thiết bởi vì chúng cho phép người học khai thác nhiều nguồn tài liệu học tập để có thể theo đuổi một số mục tiêu học tập suốt đời. Sở hữu các kỹ năng thông tin cũng chỉ báo về khả năng truy cập, đánh giá, sắp xếp và sử dụng tài nguyên thông tin của sinh viên. Kỹ năng thông tin rất quan trọng đối với các nhiệm vụ học tập như giải quyết vấn đề và ra quyết định được giao cho sinh viên ngày càng nhiều hơn trong tất cả các môi trường học tập ở tất cả các môn học. Là một kỹ năng chung cốt lõi, kỹ năng thông tin đã được hòa quyện vào trong nội dung, cấu trúc và kết quả của các chương trình đào tạo đại học.

Kỹ năng khởi nghiệp (Entrepreneurial skills) là các đặc điểm cá nhân như kiểm soát, đổi mới và chấp nhận rủi ro. Giáo dục khởi nghiệp được coi là một phần của học tập suốt đời và kỹ năng khởi nghiệp là một trong các kỹ năng cốt lõi [4]. Các trường đại học phát triển kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên thông qua nhiều nội dung và phương pháp đa dạng, từ cung cấp khóa học, môn học về khởi nghiệp tới tích hợp nội dung giáo dục khởi nghiệp trong các môn học và ngành đào tạo; từ sử dụng nhiều hơn các phương pháp học tập tích cực, sáng tạo tới việc cung cấp môi trường học tập trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên.

Tại Việt Nam, trường đại học với vai trò là cơ sở giáo dục chính quy có thể đóng góp vào phát triển năng lực học tập suốt đời bằng cách: Chú trọng tới dạy phương pháp học cho sinh viên. Các trường đại học đều có đội ngũ cố vấn học tập để tư vấn, hỗ trợ sinh viên. Cố vấn học tập thúc đẩy nhu cầu học tập và các phương pháp tự học, tự bồi dưỡng cho sinh viên. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng sử dụng nhiều hơn các phương pháp dạy học tích cực và hiện đại như dạy học dựa vào dự án, dạy học

giải quyết vấn đề, lớp học đảo ngược (Flipped classroom), học tập cá nhân hóa (Personalized learning), học tập trải nghiệm (Experiential learning), học tập cộng đồng (Service learning). Các phương pháp dạy học này góp phần quan trọng vào phát triển kỹ năng đáp ứng Cách mạng công nghiệp 4.0. Tổ chức giáo dục kỹ năng mềm/cốt lõi cho sinh viên. Một trong những kỹ năng đặc biệt quan trọng là kỹ năng hành động chủ thể đối với học tập suốt đời như niềm tin vào năng lực bản thân, kỹ năng thiết lập mục tiêu học tập, tự đánh giá, điều chỉnh và kiên trì theo đuổi mục tiêu, khả năng vượt khó và phát triển các kỹ năng tích cực khác. Kỹ năng khởi nghiệp, một trong các kỹ năng cốt lõi của học tập suốt đời. Phát triển giáo dục và học liệu trực tuyến để mở rộng không gian và thời gian học tập cho sinh viên. Tăng cường hợp tác giữa trường đại học với cộng đồng, các tổ chức, doanh nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên tham gia vào hệ sinh thái học tập và được học tập trải nghiệm.

5. GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Giáo dục dựa vào công nghệ: Claus Schwab, đã định nghĩa “Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang nảy nở từ cuộc cách mạng lần ba, nó kết hợp các công nghệ lại với nhau, làm mờ ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, kỹ thuật số và sinh học” [15]. Bản chất của Cách mạng công nghiệp 4.0 là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh, ví dụ, in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, người máy,... để tối ưu sản xuất và phát triển bền vững. Một số quốc gia có thể đã bắt đầu trải qua Cách mạng công nghiệp 4.0 từ những năm 2000, trong khi các quốc gia khác sẽ bắt qua nó ở thời điểm xa hơn. Cách mạng công nghiệp 4.0 dẫn tới một nền giáo dục 4.0 [6] vận hành dựa vào sự kết hợp của các yếu tố của cả thế giới thực và ảo. Tạo dựng một môi trường học tập ảo sẽ là bước đầu tiên trong việc

giáo dục người lao động tương lai tại các trường đại học. Ví dụ, giảng viên và sinh viên sẽ gặp các nhân vật ảo đại diện của họ trong môi trường học tập ảo hay những nguồn tài nguyên ảo như kính thực tế ảo, hạ tầng ảo, sao lưu trên điện toán đám mây sẽ được sử dụng cho giảng dạy. Đối mặt với những sự chuyển đổi, giáo dục đại học cần phải sử dụng các mô hình hợp tác và tăng cường công nghệ trong thiết kế chương trình giảng dạy để mang lại giá trị tốt hơn cho sinh viên cũng như mở rộng sự hợp tác với nhiều đối tượng.

Giáo dục cá nhân hóa: việc học tại các trường đại học cần phải được thiết kế dựa vào sinh viên, ví dụ như nơi học cùng cách học và việc theo dõi hiệu suất học tập của họ sẽ được thực hiện thông qua việc sử dụng những công nghệ và thu thập dữ liệu. Bạn cùng học trở nên rất có ý nghĩa đối với việc học tập trong giai đoạn này. Giảng viên chủ yếu đảm nhận vai trò của người hướng dẫn trong việc học tập của họ. Một số hoạt động cụ thể thường được giảng viên sử dụng là họ đăng bài tập cho sinh viên bằng hình thức trực tuyến và sử dụng hệ thống đám mây để lưu trữ bài học; giao tiếp giữa sinh viên, phụ huynh, giảng viên và cán bộ quản lý

được thực hiện thông qua các diễn đàn truyền thông xã hội. Tính cá nhân hoá còn thể hiện ở khía cạnh việc học có thể được thực hiện mọi lúc mọi nơi tùy vào điều kiện của sinh viên. Các công cụ học tập điện tử và trực tuyến cung cấp các cơ hội tuyệt vời cho việc học tập từ xa và việc tự học. Phương pháp lớp học đảo chiều cũng đóng một vai trò rất lớn vào việc cá nhân hoá việc học vì nó cho phép học tập tương tác được thực hiện trong lớp, trong khi các phần lý thuyết được học ngoài giờ học. Ngoài ra, với sự hỗ trợ của công nghệ, sinh viên được lựa chọn cách học mà họ mong muốn [6].

Năng lực giải quyết các vấn đề phức tạp: thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi người lao động phải sở hữu những năng lực giúp họ có thể tồn tại và phát triển trong xã hội dựa vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Dựa trên các kỹ năng nền tảng về đọc viết và tính toán cùng sự tham khảo các nguồn tài liệu và ý kiến từ các cuộc hội thoại với các nhóm thanh thiếu niên, tổ chức Deloitte đã nhóm các kỹ năng cần thiết cho người lao động trong tương lai thành bốn loại, như được mô tả trong hình 2 [2].

Nhiệm kỳ năng	Định nghĩa	Mục đích	Ví dụ	Phương pháp giảng dạy và đào tạo
Sẵn sàng cho nghề nghiệp	Nền tảng cho thành công bước đầu và sau này của cá nhân tại nơi làm việc, từ tìm việc ban đầu cho đến duy trì được việc làm	Hỗ trợ người trẻ trong việc tìm kiếm và duy trì việc làm cũng như thành công trong công việc	Đọc, viết, biết về kỹ thuật số, viết CV, tự thuyết trình, quản lý thời gian, tính chuyên nghiệp trong công việc, quy chuẩn nghề, quy tắc xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo nhiệm - Dạy học theo dự án - Học bằng thực tế - Học nghiên cứu - Mô phỏng trường hợp - Tập sự - Hướng dẫn
Kỹ năng mềm	Những thuộc tính cá nhân, những kỹ năng xã hội và khả năng giao tiếp hỗ trợ cho mối quan hệ với những cá nhân khác	Hỗ trợ người trẻ khi họ hoà nhập và hợp tác với những đối tác làm việc trong và ngoài cơ quan như khách hàng, đồng nghiệp và quản lý	Giao tiếp, tự duy phản biện, tự duy sáng tạo, hợp tác, thích nghi, sáng kiến, lãnh đạo, học tập cảm xúc xã hội, làm việc nhóm, tự tin, đồng cảm, tự duy trường thành, hiểu biết văn hoá	
Kỹ năng kỹ thuật	Kiến thức và khả năng thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn	Cung cấp cho người trẻ chuyên môn sâu để thực hiện những nhiệm vụ cụ thể	Kiến thức và khả năng thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn: lập trình và tính, viết mã (coding), quản lý dự án, quản lý tài chính, chức năng máy móc, nhiệm vụ khoa học, kỹ năng dựa trên kỹ thuật công nghệ, và những kỹ năng chuyên môn liên quan đến công việc khác (ví dụ: chăm sóc y tế, làm nông, pháp lý)	
Kinh doanh/khởi nghiệp	Kiến thức và khả năng giúp mang lại thành công trong việc tạo ra một cơ hội kinh doanh hoặc một ý tưởng	Hỗ trợ người trẻ trong việc thành lập doanh nghiệp riêng của họ, hỗ trợ việc thực hiện công việc tự do, công việc theo hợp đồng, công việc tạm thời và phát triển thành một người bán hàng trong môi trường làm việc	Sáng kiến, cải tiến, sáng tạo, cần cù, tìm giải pháp, kiên cường, khéo léo, tò mò, lập quan, mạo hiểm, can đảm, thay đổi trong kinh doanh, thực hiện kinh doanh	

Học tập suốt đời
 Một quá trình liên tục để đạt được kiến thức và kỹ năng mới khi cá nhân trải qua những sự phát triển mang tính chuyên môn và cá nhân của mình

Hình 2. Sơ đồ danh mục các nhóm kỹ năng cần thiết cho người lao động trong tương lai, *Nguồn:* [2]

Danh mục kỹ năng này cung cấp một khung tham khảo để chuẩn bị cho những người lao động trẻ về một tương lai mà ở đó những công việc và các kỹ năng cần thiết sẽ thay đổi; sự năng động cùng học hỏi không ngừng chính là nền tảng cho sự phát triển. Các trường đại học, cần phải có những biện pháp hữu hiệu nhằm phát triển các năng lực của người học suốt đời, góp phần vào việc giúp những sinh viên không chỉ có thể trở thành những người lao động phù hợp cho thời đại 4.0 mà còn có đầy đủ những năng lực để tự học và tinh thần không ngừng học tập.

Đào tạo về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo: khởi nghiệp đã trở thành một công cụ mạnh mẽ để tạo việc làm và tăng cường sức mạnh của nền kinh tế nói chung. Với sự nổi lên của Cách mạng công nghiệp 4.0, nhiều năng lực khác như năng động, đổi mới, sáng tạo, theo đuổi mục tiêu, tạo ra giá trị được cho là cần thiết. Hầu hết các trường đại học hiện đang cung cấp các chương trình khởi nghiệp với nhiều nội dung khác nhau. Hiện nay giáo dục khởi nghiệp bao gồm việc theo đuổi tinh thần khởi nghiệp, giảng dạy thông qua khởi nghiệp và giảng dạy để khởi nghiệp. Hoạt động giáo dục khởi nghiệp hiệu quả cung cấp cho người học những kỹ năng và kiến thức cần thiết để tự tạo việc làm và phục vụ công việc của họ trong Cách mạng công nghiệp 4.0. Người học cũng có thể tạo lập những dự án và doanh nghiệp cho riêng mình.

Phát triển các mạng lưới học tập: mạng lưới học tập là các mạng và các kết nối giữa người học, người dạy kèm, cộng đồng học tập, và các tài nguyên của nó được tạo thành bởi các phương tiện kỹ thuật số. Những môi trường học tập ảo và những hệ thống quản lý học tập ra đời tác động tới các nhà giáo dục. Họ bắt đầu tăng cường giảng dạy bằng internet. Các thư viện ngày càng trở nên kỹ thuật số và dần dần biến thành không gian học tập, thảo luận nhóm hơn là các kho sách. Những môi trường học tập

ảo và những hệ thống quản lý học tập kỹ thuật số thường được cung cấp bởi các đối tác bên ngoài trường đại học. Chúng hiện đang được sử dụng bởi hàng triệu người dạy và người học trên toàn thế giới. Việc học tập trong thời đại kỹ thuật số, chủ yếu là thông qua Internet, giúp xây dựng một cộng đồng học tập trực tiếp trên mạng, xóa mờ ranh giới giữa các trường đại học [1].

6. THỰC TIỄN ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TẬP SUỐT ĐỜI CHO NGƯỜI HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

6.1. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh là một trong các trường đầu ngành về đào tạo giáo viên. Ngoài nhiệm vụ đào tạo ban đầu chuẩn bị lực lượng giáo viên tương lai, Trường còn có một nhiệm vụ không kém phần quan trọng là bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh quan tâm đến đào tạo trực tuyến (E-learning) khá sớm. Năm 2013, Trường đã tổ chức hội thảo về “Kiến trúc và Công nghệ học tập trực tuyến”. Trong một môi trường khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, một số giảng viên của Trường đã ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để tổ chức môn học, bài học một cách sinh động và có hiệu quả.

Năm học 2017-2018, Trường đã thử nghiệm tổ chức dạy học trực tuyến cho cả chương trình giáo dục chính quy và chương trình giáo dục thường xuyên. Đối với chương trình giáo dục chính quy, học phần “Nhập môn nghề giáo” đã được giảng dạy trực tuyến cho sinh viên hệ sư phạm năm thứ nhất. Mục đích của học phần là giúp sinh viên nhận thức được hoạt động sư phạm của người giáo viên và con đường hình thành phẩm chất là năng lực nhà giáo, chuẩn nghề nghiệp và phát triển nghề nghiệp; cũng như là tăng cường tính tự chủ, tự

học, tự rèn luyện và phát triển định hướng cá nhân của sinh viên [12].

Đối với chương trình giáo dục thường xuyên, Trường đã thử nghiệm tổ chức khóa học “Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II” theo hình thức trực tuyến kết hợp (Blended learning). Mục tiêu của khóa học là giúp học viên nâng cao được năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện tốt các nhiệm vụ của viên chức giảng dạy, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II. Đặc điểm của người học là đang công tác ở các địa bàn xa nhau, nên học tập trực tuyến đặc biệt phù hợp về tính linh động về không gian và thời gian. Khóa học có khoảng 2/3 thời lượng diễn ra qua học trực tuyến và 1/3 thời lượng thực hiện qua học trực tiếp. Nội dung học trực tiếp tập trung vào các vấn đề gắn với thực tiễn và cần trao đổi, hỏi đáp [12].

Việc tổ chức dạy học trực tuyến tại Trường cho thấy, hình thức dạy học này tạo ra kết quả học tập của của người học không khác biệt so với học tập trực tiếp, trong khi đó hiệu quả hơn trong sử dụng nguồn lực như giảng viên, thời gian và không gian của học viên. Hoạt động tư vấn/hỗ trợ người học kịp thời là một yếu tố rất quan trọng đối với thành công của học tập trực tuyến. Cho dù giảng viên thiết kế được một khóa học trực tuyến tốt, đội ngũ kỹ thuật viên trợ giúp hoạt động dạy và học cũng rất quan trọng. Để dạy học trực tuyến thành công trên diện rộng, Trường vẫn cần đầu tư vào hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ, phần mềm dạy học và đội ngũ nhân viên hỗ trợ học tập trực tuyến. Thực tiễn triển khai học tập trực tuyến tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy những nỗ lực đổi mới tiếp cận giáo dục và phương pháp đào tạo của một trường đại học đầu ngành về sư phạm. Với thế mạnh về sư phạm, mô hình và phương thức giáo dục - đào tạo trực tuyến của Trường bước đầu đã thể hiện được tính khoa học và hiệu quả.

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đang tiếp tục phát triển mô hình đào tạo trực tuyến với 4 thành phần gồm: đào tạo sinh viên, đào tạo giáo viên, đào tạo nội bộ, đào tạo cộng đồng [9].

6.2. Trường Đại học Đại học Văn Lang

Trường Đại học Văn Lang là một trường đại học tư thục theo định hướng ứng dụng với hơn 20 năm hoạt động. Trường nhấn mạnh mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 với những yêu cầu về kỹ năng lao động liên quan đến công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, robot, Trường đã cung cấp các loại chương trình đào tạo đa dạng, các ngành học và các khóa học mới để chuẩn bị cho sinh viên tốt nghiệp những kỹ năng thích nghi và thành công trong cuộc cạnh tranh việc làm ngày càng khắc nghiệt. Theo thông tin trên trang website của Trường, những đổi mới nổi bật trong tổ chức hoạt động đào tạo gồm có: cung cấp Chương trình đào tạo đặc biệt hướng tới tạo ra công dân toàn cầu, kiến tạo một thế hệ mới có khả năng tạo thay đổi trước một thế giới đầy biến động. Đây là chương trình đào tạo theo triết lý giáo dục khai phóng: tạo cơ hội cho sinh viên khám phá bản thân, làm chủ tương lai, được học tập tại các doanh nghiệp để có trải nghiệm thực tiễn. Chương trình cũng tạo cơ hội cho sinh viên lựa chọn thêm ngành phụ bên cạnh ngành chính. Xác định chương trình đào tạo mũi nhọn tập trung vào ngành công nghệ thông tin - một ngành then chốt của Cách mạng công nghiệp 4.0. Tăng cường hội nhập quốc tế và đào tạo sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn quốc tế thông qua các chương trình đào tạo tiên tiến liên kết với Đại học Victoria – Úc. Đầu tư vào thư viện số, trong đó có cung cấp các học liệu của các trường đại học hàng đầu thế giới, ví dụ như bài giảng điện tử của Đại học Carnegie Mellon, Mỹ. Chú trọng dạy kỹ năng mềm cho sinh viên, là một trường đại học tư thục với chuẩn đảm

bảo chất lượng tuyển sinh đầu vào ở mức vừa phải [17]. Các khóa sinh viên tốt nghiệp của Trường Đại học Văn Lang vẫn được thị trường lao động đón nhận và những ngành đào tạo mới của Trường vẫn thu hút được sinh viên. Điều đó cho thấy những nỗ lực đổi mới của nhà trường trong đào tạo cho sinh viên khả năng tự học - tự bồi dưỡng, thích nghi với bối cảnh xã hội đang thay đổi nhanh chóng do tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0.

6.3. Trường Đại học Fulbright

Đại học Fulbright là một trường đại học tự thực mới thành lập. Mô hình giáo dục của Trường theo triết lý giáo dục khai phóng của Mỹ. Chương trình đại học được thiết kế nhằm chuẩn bị cho sinh viên nền tảng vững vàng để thích ứng với những yêu cầu công việc và thế giới mà họ sẽ đối mặt trong thế kỷ XXI. Trường cho rằng, 3 năng lực thực hiện quan trọng nhất hiện nay là kỹ năng giải quyết những vấn đề phức tạp, tư duy phản biện và năng lực sáng tạo. Vì thế, chương trình đào tạo nền tảng mang tính liên ngành được cấu trúc theo những chủ đề liên quan đến nghệ thuật, nhân văn, STEM, khoa học xã hội và khoa học máy tính, với trọng tâm là Việt Nam. Sinh viên không chỉ học cách nhận thức thế giới qua nhiều lăng kính khác nhau mà còn học cách tiếp cận và giải quyết vấn đề từ nhiều khía cạnh và bằng những giải pháp sáng tạo [16]. Bảy môn học từ nhiều lĩnh vực đa dạng của chương trình nền tảng ở năm thứ nhất đại học của Trường cho thấy định hướng giáo dục khai phóng, phát triển khả năng tư duy phản biện, sáng tạo, năng lực học và tự học của sinh viên.

Các phương pháp giáo dục nổi trội tại Trường là: 1) học tập cá nhân hóa với chuyên ngành và chương trình học do sinh viên xây dựng và lựa chọn thông qua chủ đề chuyên sâu; 2) học tập trải nghiệm với yêu cầu sinh viên phải phải hoàn thành ít nhất một hoạt động “học tập qua trải nghiệm thực tế” ví dụ như đi thực tập, làm nghiên cứu, đi thực địa hoặc làm

việc tại doanh nghiệp; 3) thực tập khởi nghiệp kéo dài 6 tháng cho một số sinh viên có tư duy và ý định khởi nghiệp nổi trội, tạo điều kiện cho sinh viên làm việc tại các công ty công nghệ và khởi nghiệp hàng đầu Việt Nam. Đây là những phương pháp tân tiến để phát triển năng lực tự học - tự bồi dưỡng, năng lực hành động chủ thể, tư duy và hành động đổi mới sáng tạo, những năng lực học tập suốt đời cốt lõi của công dân học tập. Có thể nói Trường Đại học Fulbright là một cơ sở giáo dục đại học có triết lý giáo dục và chương trình đào tạo mang tính tiệm cận với xu hướng giáo dục hiện đại của thế giới. Chương trình và phương pháp đào tạo của nhà trường hướng tới phát triển năng lực học tập suốt đời, một năng lực cốt lõi trong thời đại 4.0.

7. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh phát triển như vũ bão của thông tin, khoa học và công nghệ, vòng đời đổi mới sáng tạo ngày càng rút ngắn, năng lực học tập suốt đời để thích nghi với một thế giới không ngừng biến đổi trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Quan sát sơ bộ các hoạt động đào tạo tại một số trường đại học Việt Nam cho thấy họ đang chuyển mình trong đổi mới chương trình nhằm phát triển các năng lực học tập suốt đời như sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học tập, kỹ năng học và tự học, tư duy sáng tạo và khởi nghiệp, năng lực thích ứng với thế giới việc làm đang thay đổi nhanh chóng với nhiều loại công việc chưa từng có tiền lệ. Công dân là hạt nhân cấu thành nên xã hội. Người học suốt đời là hạt nhân của “xã hội học tập”. Thế kỷ XXI đang xuất hiện một số mô hình xã hội mới như “công nghiệp 4.0”, “kinh tế số”, “thành phố thông minh”, “xã hội 5.0”,... dựa vào các công nghệ thông minh là kết quả của ứng dụng khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo. Một câu hỏi đặt ra là liệu rằng mô hình “xã hội học tập” có phải cần điều chỉnh hoặc nâng cấp để có thể phản ánh được bối cảnh quốc gia và xu hướng của thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cheng, T. L. (2013), *Applying networked learning to improve learner interactions: a new paradigm of teaching and learning in ODL*. *Asian Association of Open Universities Journal*.
- [2] Deloitte & Global Business Coalition for Education (2018), *Preparing tomorrow's workforce for the Fourth Industrial Revolution*.
- [3] Dunlap, J. & Grabinger, F. (2013), *Preparing Students for Lifelong Learning: A Review of Instructional Features and Teaching Methodologies*. Performance Improvement Quarterly.
- [4] European Commission (2007), *Key Competences for lifelong learning - European Reference Framework*. Luxembourg.
- [5] Faure, E., Herrera, F., Lopes, H., Petrovsky, A., Rahnema, M., & Ward, F. (1972), *Learning to Be: The world education today and tomorrow*. Paris: UNESCO.
- [6] Fisk, P. (2017), *Education 4.0 - the future of learning will be dramatically different, in school and throughout life*.
- [7] Hội Khuyến học (2018), hoikhuyenhoc.vn/modules.php?name=News&op=viewst&sid=4380.
- [8] <https://learningportal.iiep.unesco.org/en/glossary/learning>.
- [9] Huỳnh Văn Sơn (2020), *4T - HCMUE: Mô hình đào tạo trực tuyến tại Trường đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*. Báo khoa học phổ thông ngày 19/05/2020.
- [10] Knapper và Cropley (1983), *Higher education and the promotion of lifelong learning*, *Studies in Higher Education*.
- [11] Knapper, C., & Cropley, A. (2000), *Lifelong Learning in Higher Education (3rd ed.)*. London: Kogan Page.
- [12] Lê Phan Quốc và Dương Thị Hồng Hiếu (2019), *Đổi mới công tác bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng Cách mạng Công nghiệp 4.0*. Kỉ yếu hội thảo.
- [13] Mwaikokesya, M.J.D, Osborne, M. & Houston, M. (2014), *Mapping Lifelong Learning Attributes in the Context of Higher Education Institutions*, *Journal of Adult and Continuing Education*.
- [14] Phạm Tất Dong (2016), *Xây dựng mô hình 'Công dân học tập'*. Hội Khuyến học Việt Nam. <http://www.hoikhuyenhoc.vn/modules.php?name=News&opviewst&sid=4020>.
- [15] Schwab, C. (2016), *The Fourth Industrial Revolution*. <https://www.weforum.org/about/the-fourth-industrial-revolution-by-klaus-schwab/>.
- [16] Trường Đại học Fulbright. <https://fulbright.edu.vn/vi/tai-sao-chon-fulbright/>.
- [17] Trường Đại học Văn Lang, <https://www.vanlanguni.edu.vn/trang-chu/su-menh-tam-nhin-muc-tieu>.
- [18] UNESCO (2017), *How the value of lifelong learning is inseparable from its values*. <https://uil.unesco.org/education-journal-ire/how-value-lifelong-learning-inseparable-its-values>.
- [19] UNESCO ILL – UNESCO Institute for Lifelong Learning (2016), *Conceptions and realities of lifelong learning*.